

VẤN ĐỀ THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HOA Ở VIỆT NAM

Nguyễn Đình Phúc*

Việc thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam trước nay được rất nhiều học giả trong nước và thế giới quan tâm, cũng được tiến hành từ rất sớm. Do rất nhiều nguyên nhân, tính đến nay, mặc dù công tác thống kê đã được tiến hành trên 100 năm, kết quả thu được rất nhiều, nhưng những số liệu thống kê vẫn không phản ánh đúng tình hình thực tế. Đây là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nêu trên? Trong bài viết này, trên cơ sở tổng hợp những số liệu thống kê của các học giả trong và ngoài nước, chúng tôi xoáy vào thảo luận một số vấn đề nêu trên.

I. Người Hoa ở Việt Nam qua số liệu thống kê

Khác với hầu hết các cộng đồng dân tộc cư trú trên đất nước Việt Nam, cộng đồng người Hoa vốn không có nguồn gốc bản địa, họ chủ yếu di cư đến từ các tỉnh phía nam Trung Hoa. Do đặc điểm địa lý, so với các nước khác trong khu vực Đông Nam Á, người Hoa đến Việt Nam khá sớm. Theo nguồn thư tịch cổ Việt Nam và Trung Quốc, người Hoa có mặt ở Việt Nam từ khoảng thế kỷ thứ III trước Công nguyên. Không kể binh lính và các đội quân xâm lược, người Hoa di cư với số lượng lớn vào Việt Nam rồi định cư ở đây thường diễn ra phổ biến từ sau các cuộc nội chiến ở Trung Quốc. Tập trung chủ yếu vào các thời kỳ như: cuối đời Đông Hán - đầu đời Tam Quốc; cuối Tống - đầu Nguyên; cuối Minh - đầu Thanh; chiến tranh Trung-Nhật; sự kiện Quốc dân đảng bị đánh đuổi khỏi Trung Quốc... Theo dòng lịch sử, cùng với sự biến động của lịch sử Trung Quốc, số lượng người Hoa đến Việt Nam giai đoạn trước 30/4/1975 không ngừng gia tăng. Họ cư trú khá tập trung ở những nơi có điều kiện buôn bán làm ăn, dần dần hình thành các khu phố Khách khá sầm uất như Vân Đồn (Quảng Ninh), Phố Hiến (Hưng Yên), Hội An (Quảng Nam), Chợ Lớn (TP Hồ Chí Minh),... Thế nhưng, những biến động chính trị trên đất nước Việt Nam cùng những mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc từ sau 30/4/1975, khiến số lượng người Hoa ở Việt Nam giảm sút đáng kể.

Để có cái nhìn tổng quan về số lượng người Hoa ở Việt Nam diễn tiến qua các thời kỳ, chúng tôi căn cứ vào một số nguồn thư tịch trong và ngoài nước, tạm liệt kê theo bảng dưới đây.

Bảng kê số lượng người Hoa ở Việt Nam từ 1878-2009

Đơn vị tính: người

Năm	Nơi cư trú		Thân phận		Tổng hợp nơi ở và thân phận	Tổng số người Hoa trên toàn Việt Nam	Dẫn nguồn
	Miền Bắc	Miền Nam (không bao gồm miền Trung)	Hoa duệ (cha Hoa, mẹ Việt)	Hoa kiều			
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1878		36.539 (NKLT)					Trương Vĩnh Ký ⁽¹⁾
1884	25.000	40.000 (NKLT)					Semard ⁽²⁾

* Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia TP Hồ Chí Minh.

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1900						100.000	Nam Dương Hoa kiều sử ⁽³⁾
1910		115.000				232.000	Nam Dương Hoa kiều sử ⁽⁴⁾
1915		150.000 (NKLT)					Trương Vĩnh Ký ⁽⁵⁾
1919	35.000	300.000 (NKLT)					Semard ⁽⁶⁾
1924						301.400	Nam Dương Hoa kiều sử ⁽⁷⁾
1940	35.550	314.781					Lãnh sự quán Trung Quốc tại Sài Gòn ⁽⁸⁾
1945		31.000 (SGCL)				698.000	Nam Dương niên giám ⁽⁹⁾
1946				500.000			Hồ Chí Minh ⁽¹⁰⁾
1947		850.000	257.000	593.000	850.000		Purcell ⁽¹¹⁾
1948	65.000 (Đồng Kinh)			633.354		698.000	Ấn Độ-Chi Na thống kê niên giám ⁽¹²⁾
		630.000					Lương, Nhi Ky ⁽¹³⁾
	70.000	630.000					Chính phủ Pháp ⁽¹⁴⁾
1949		400.000 (SGCL)					Đế Ngạn Hoa kiều kinh tế sinh hoạt khái quan ⁽¹⁵⁾
1950			75.000 (Minh Hương)				Việt Nam thống kê niên giám ⁽¹⁶⁾
1950- 1960	50.000- 60.000						Honey ⁽¹⁷⁾
1951		583.000 (SGCL)					Ấn-Chi liên bang niên giám ⁽¹⁸⁾
	90.000	1.357.000				1.500.000	Việt Nam Tân Văn xã ⁽¹⁹⁾
1952				1.000.000			Trung Hoa Dân quốc niên giám ⁽²⁰⁾
		657.310		731.413			Việt Nam Hoa kiều thương nghiệp niên giám ⁽²¹⁾
				960.476			Việt Nam chính phủ thống kê cục ⁽²²⁾
		583.000 (SGCL)					Trương Văn Hòa ⁽²³⁾
		500.000			1.357.000- 1.500.000		Stern ⁽²⁴⁾
1953				720.000			Việt Nam thống kê niên giám ⁽²⁵⁾
		707.977 (NKLT)					Annuaire des États Associés ⁽²⁶⁾
1954						600.000- 750.000	Trần Khánh ⁽²⁷⁾
		650.000 (SGCL)					Pháp Quốc Viễn Đông nhật báo ⁽²⁸⁾
1955		573.000				800.800	Stern ⁽²⁹⁾
				621.000			Trần Khánh ⁽³⁰⁾
		800.000					Simonia ⁽³¹⁾
		703.000					Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ⁽³²⁾
1956	100.000						Purcell ⁽³³⁾
		800.000					Purcell ⁽³⁴⁾
		430.000					Việt Nam thống kê niên giám ⁽³⁵⁾

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1957					1.000.000		Tây Cống Pháp văn Triều báo ⁽³⁶⁾
				294.979			Việt Nam Hoa kiều tổng kiểm tra ⁽³⁷⁾
1958					128.498		<i>Việt Nam thống kê niên giám</i> ⁽³⁸⁾
				1.500.000			Quách Thọ Hoa ⁽³⁹⁾
	90.000	830.000				920.000	W. Skinner ⁽⁴⁰⁾
1959					1.000.000		Quốc phủ Kinh tế bộ, Việt Nam kinh tế cận khoảng ⁽⁴¹⁾
	28.000	550.000					Quách Thọ Hoa ⁽⁴²⁾
		600.000					Báo cáo của Liên Hợp Quốc ⁽⁴³⁾
				1.000.000		1.035.000	<i>Hoa kiều chí</i> ⁽⁴⁴⁾
				182.397	427.235		Bộ Nội chính Việt Nam Cộng hòa ⁽⁴⁵⁾
1960	30.000	800.000				830.000- 855.000	<i>Chính trị gia niên giám</i> ⁽⁴⁶⁾
	55.000						Purcell ⁽⁴⁷⁾
		1.500.000 (SGCL: 700.000)					Lương, Nhi Ky ⁽⁴⁹⁾
	174.644						Tổng cục Thống kê Hà Nội ⁽⁵⁰⁾
1961	50.000						Thời báo <i>New York</i> ⁽⁵¹⁾
			105.945	182.397			Bộ Nội chính Việt Nam Cộng hòa ⁽⁵²⁾
1962	55.000						<i>Chính trị gia niên giám</i> ⁽⁵³⁾
1970	200.800	1.035.000					Tạp chí <i>Thế giới ngoại văn</i> ⁽⁵⁴⁾
1974	256.534						Thống kê năm 1974 ⁽⁵⁵⁾
1975 (trước 30/4)	17.000	1.500.000					Trần Bích Sinh ⁽⁵⁶⁾
1976		949.825				1.236.000	Điều tra dân số ⁽⁵⁷⁾
1979	3817 (HN)	378.739 (TP HCM)				867.450 (Chưa kể tỉnh Lạng Sơn)	Hứa Văn Đường ⁽⁵⁸⁾
	53.672 (3.817, HN)	877.691 (475.739, TP HCM)				935.074	Amer ⁽⁵⁹⁾
		474.712 (TP HCM)					Ban chỉ đạo điều tra dân số thành phố (1981) ⁽⁶⁰⁾
1989	4.015 (HN)	524.499 (TP HCM)				961.702	Hứa Văn Đường ⁽⁶¹⁾
	49.040 (2.648, HN)	850.614 (433.551, TP HCM)				900.185	Amer ⁽⁶²⁾
		524.499					Địa chí văn hóa TP Hồ Chí Minh ⁽⁶³⁾
1995		550.000					Quan Anh VT ⁽⁶⁴⁾
1996		650.000 (TP HCM)					Địa chí văn hóa TP Hồ Chí Minh ⁽⁶⁵⁾
1999						900.000	Bộ Ngoại giao Việt Nam ⁽⁶⁶⁾
						862.371	Tổng cục Thống kê Việt Nam ⁽⁶⁷⁾

(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2003						913.250	Bộ Ngoại giao Việt Nam ⁽⁶⁸⁾
2005						1.200.000	OCAC ⁽⁶⁹⁾
2008						947.000	CIA ⁽⁷⁰⁾
2009						823.071	Tổng cục Thống kê Việt Nam ⁽⁷¹⁾

(Chữ viết tắt: SGCL = Sài Gòn-Chợ Lớn; NKLT = Nam Kỳ lục tỉnh; HN = Hà Nội; TP HCM = Thành phố Hồ Chí Minh)

II. Tính tương đối của số liệu và những khó khăn trong công tác thống kê

Xét bảng thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam, chúng ta dễ dàng nhận ra một số đặc điểm sau đây.

Thứ nhất, có hai xu hướng dễ thấy nhất trong suốt tiến trình lịch sử của người Hoa ở Việt Nam, đó là, số lượng người Hoa không ngừng gia tăng, kể từ giai đoạn sớm nhất trong lịch sử người Hoa ở Việt Nam cho đến những năm nửa cuối thập niên 60, nửa đầu thập niên 70 thuộc thế kỷ 20. Nhưng theo chúng tôi, thời điểm số lượng người Hoa ở Việt Nam đạt đến con số cao nhất có lẽ phải định vào giai đoạn nửa cuối thập niên 60, bởi từ những năm 1968 về sau, do chiến sự ngày càng diễn biến phức tạp, nhiều gia đình Hoa kiều ở Việt Nam đã chọn con đường về nước hoặc di cư sang nước thứ ba.

Thứ hai, trong suốt lịch sử của người Hoa ở Việt Nam, Sài Gòn-Chợ Lớn (trước 30/4/1975) hoặc Thành phố Hồ Chí Minh (từ 2/7/1976 về sau) luôn là địa bàn tập trung nhiều người Hoa nhất trong cả nước. Người Hoa đến Việt Nam, ngay từ khi trong đầu nhen nhóm ý định di cư, mục tiêu của một bộ phận không ít người đã nhắm đến hai chữ Đề Ngạn (Ti An) hoặc Tây Cống (Xi Gong), mà cùng với tiến trình lịch sử, rất nhiều nhóm người Hoa đều có xu hướng di cư đến Sài Gòn-Chợ Lớn, đến Thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như, nhóm người Hoa từ các tỉnh miền Bắc di cư vào Nam khoảng những năm 1954-1955, nhóm người Hoa từ Campuchia chạy loạn sang Thành phố Hồ Chí Minh vào những năm 1978-1979, nhóm người Hoa từ các tỉnh miền Trung Việt Nam, miền Đông Nam Bộ, Tây Nam Bộ không ngừng tiệm tiến vào địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh...

Thứ ba, số lượng người Hoa được thống kê chắc chắn không phù hợp với thực tế, đặc biệt số lượng người Hoa ở cùng một địa bàn, cùng một thời điểm, nhưng nguồn thống kê khác nhau cũng sẽ khác nhau.

Có một số điểm mà bất cứ một học giả nào cũng phải công nhận, đó là, thế hệ những người Hoa đến Việt Nam từ giai đoạn cuối đời Minh - đầu đời Thanh trở về trước hầu như còn rất ít người có ý thức về nguồn gốc dân tộc của mình. Do rất nhiều nguyên nhân, bao gồm cả khách quan (sức ép bắt buộc nhập tịch) lẫn chủ quan (dễ làm ăn, được hưởng ưu đãi về thuế như người Việt Nam...), từ hàng ngàn năm trước cho đến tận ngày nay, hàng loạt thế hệ người Hoa ở Việt Nam đã bị Việt hóa và hoàn toàn hòa nhập vào cuộc sống cộng đồng của người Việt Nam. Đây cũng là nguyên nhân quan trọng nhất khiến chúng tôi cho rằng, số lượng người Hoa được thống kê không hoàn toàn phù hợp với thực tế.

Vào ngày 23 tháng 12 năm Mậu Tý (1828), tức năm Minh Mạng thứ 9, Trấn quan thuộc Vĩnh Thanh trấn (Vĩnh Long) có công văn sức về các huyện, chỉ đạo cách xử lý thực tế nhập cư của “Thanh khách” (còn gọi “Đáp khách”) vào các trấn, công văn có đoạn như sau:

“Tùng tiền, Thanh thuyền lai thương thành hạt, thường hữu Đáp khách, mỗi tao đa giả ngũ lục bách nhân, thiếu giả bất hạ tam tứ bách nhân. Đãi chỉ hồi phàm chi nhật, bất quá đà công, thủy thủ, thất bát thập nhân nhi dĩ. Dư giai lưu lai phỏng tâm thân quyến, tản cư ư phổ diện cập các xã thôn thị tứ, hoặc dĩ thương cổ vi nghiệp, hoặc dĩ nông phổ vi sinh, nhất niên chi trung bất hạ tam tứ thiên nhân. Thả cai đẳng nguyên hệ không thủ, nhi khuy kiến thành hạt nãi phì nhiều chi địa, sơn trạch lợi phì, dị ư sinh nhai. Cố cư tụ nhật phiên, nhân khẩu ký đa, bất duy mẽ giá nhật ích tăng quý, nhi cái đẳng thích ngã lạc thổ, y thực ký túc, kiều tứ tùy sinh”.⁽⁷²⁾

(Trước nay, thuyền Thanh đến trấn thành buôn bán, thường có Thanh khách đi theo, những thuyền nhiều có đến năm sáu trăm người, thuyền ít cũng không dưới ba bốn trăm. Đến khi hồi trình, lại chỉ còn người lái thuyền và thủy thủ, bảy tám mươi người mà thôi. Số còn lại đều lấy cớ đi tìm người thân, tản về trú ngụ nơi phố xá, thị tứ, xã thôn. Trong số họ, hoặc lấy việc buôn bán làm nghề, hoặc làm ruộng mưu sinh, cứ như thế, số lượng (Thanh khách) trong một năm không dưới ba bốn ngàn người. Bọn người ấy nguyên là kẻ đến tay không, thấy trấn thành ta đất đai rộng rãi, phì nhiêu, thuận lợi cho việc sinh nhai. Vậy nên tụ tập về ngày càng nhiều, nhân khẩu gia tăng, không chỉ khiến giá gạo tăng lên từng ngày, mà việc bọn họ đến xứ ta, cũng khiến cái ăn cái mặc vốn đủ, liên tục lâm vào tình trạng thiếu thốn).

Nên chú ý rằng, đây mới chỉ là thực tế xảy ra trong địa phận trấn Vĩnh Thanh. Dưới thời nhà Nguyễn, Vĩnh Thanh là một trấn mới thành lập, đất đai rộng lớn, cư dân thưa thớt, thế nên đây tất yếu là miền đất hứa cho các nhóm di dân đến từ Trung Hoa. Nhưng những vùng có điều kiện ưu đãi như Vĩnh Thanh ở chốn Nam Kỳ lục tỉnh thực không ít, đó là chưa tính đến hầu hết mọi vùng đất trên đất nước Việt Nam đều có thể đem lại cơ hội kinh doanh cho các khách Hoa. Nhóm tác giả Phan Huy Lê trong *Nguyễn triều châu bản mục lục*, đã thống kê được số lượng các thương thuyền lớn của Trung Quốc cập cảng Việt Nam buôn bán dưới triều Minh Mạng, cụ thể vào năm Minh Mạng thứ 6 (1825) có 38 thuyền trong tổng số 40 thương thuyền nước ngoài cập cảng Việt Nam; năm Minh Mạng thứ 7 (1826), có tổng cộng 44 chiếc, trong đó có 39 thuyền đến từ Trung Quốc.⁽⁷³⁾ Thế nhưng, cảng Vĩnh Thanh khi ấy hoàn toàn không được xếp vào các cảng của Việt Nam được thống kê, theo chúng tôi, có nhiều khả năng những thương thuyền Trung Hoa đến Vĩnh Thanh đều thuộc loại có trọng tải nhỏ, không nằm trong diện thống kê. Thế nên ở đây, chỉ cần lấy số thương thuyền được thống kê hàng năm nhân với số “Đáp khách” trung bình mà mỗi thương thuyền chở theo, cộng thêm việc lấy số “Đáp khách” đến Vĩnh Thanh mỗi năm “không dưới ba bốn ngàn người” làm con số tham khảo, chúng ta sẽ dễ dàng thấy được tính vô lý khi thống kê tổng số người Hoa ở Nam Kỳ lục tỉnh vào năm 1878 chỉ có 36.539 người của Trương Vĩnh Ký. Và trải qua khoảng thời gian gần 6 năm sau đó, số dân Hoa kiều ở miền Nam cũng chỉ tăng tới con số 40.000, tức số lượng tăng chưa tới 3.500 người. Thế nên, đây có thể xem là nguyên nhân quan trọng thứ hai khiến số lượng người Hoa được thống kê không hoàn toàn phù hợp với thực tế.

Ngoài ra, sau khi thực dân Pháp chiếm Nam Kỳ lục tỉnh và toàn bộ Việt Nam, việc tập trung đầu tư vào Sài Gòn, nhằm biến Sài Gòn thành một thành phố phương Tây hiện đại giữa lòng phương Đông, đã khiến miền Nam Việt

Nam trở thành miền đất cực kỳ hấp dẫn với di dân Trung Hoa. Làn sóng di cư vẫn liên tục xảy ra với cường độ cao thậm chí cả khi cuộc chiến tranh Trung Pháp xảy ra. Bằng chứng là, trong khoảng thời gian từ 1884 đến 1919, số dân người Hoa ở Nam Kỳ tăng đột biến, từ 40.000 tăng lên đến 300.000, nhưng số Hoa kiều ở Lào, Campuchia hầu như không tăng. Việc thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam của thực dân Pháp cũng khá lỏng lẻo, họ thường căn cứ vào số lượng chênh lệch giữa tỷ lệ nhập và tỷ lệ xuất hàng năm để tính ra tổng số người Hoa ở Việt Nam. Ví dụ, vào năm 1907, tổng số người Hoa nhập vào Nam Kỳ là 30.302 người, tổng số xuất là 21.110 người, số chênh lệch là 9.192 người. Làm như thế, vô hình trung đã hoàn toàn bỏ qua số kiều dân Trung Hoa đến từ những giai đoạn trước đó.

Nói tóm lại, với ba nguyên nhân chủ yếu nêu trên, việc thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam ở bất kỳ thời điểm nào đều luôn lâm vào tình trạng bế tắc. Bất kể nhà cầm quyền có dùng đến phương cách nào, việc điều tra, thống kê ra số lượng người Hoa phù hợp với thực tế vẫn luôn là vấn đề không tương.

N Ñ P

CHÚ THÍCH

- (1) Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ*, Nxb TP HCM, tr. 94.
- (2) Xem Diêu Đan (1946), *Trung Nam bán đảo Hoa kiều sử cương yếu*, Thượng Hải thư điểm, tr. 11.
- (3),(4),(7) Lý Trường Phó (1929), *Nam Dương Hoa kiều sử*, Thượng Hải thư điểm, tr. 117.
- (5) Nguyễn Đình Đầu (1994), *Tổng kết nghiên cứu địa bạ Nam Kỳ*, Nxb TP HCM, tr. 102.
- (6),(8) Xem Diêu Đan (1946), sdd, tr. 12.
- (9) Xem Uất Thụ Côn (1951), *Nam Dương niên giám*, tr. 211.
- (10) Hồ Chí Minh (1946), *Cáo quốc dân đồng bào* (Tài liệu chữ Hán).
- (11) Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), *Đông Nam Á chi Hoa kiều*, Đài Bắc, Chánh Trung xuất bản xã, tr. 284.
- (12) Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 302.
- (13) Lương Nhi Ky (1963), *The Chinese in Vietnam: a study of Vietnamese-Chinese Relations with Special Attention to of the Period 1682-1961*, Ann Arbor, Mich: University Microfilm, p. 57. Stern, Lewis M. (1984), *The Vietnamese Communist Policy toward Overseas Chinese 1920-1982*, Ph. D. dissertation, University of Pittsburgh, p. 94.
- (14) Trần Liệt Phủ (1983), *Đông Nam Á Châu đích Hoa kiều, Hoa nhân dữ Hoa duệ*, Đài Bắc, Chánh Trung xuất bản xã, tr. 327.
- (15) Trương Văn Hòa (1975), *Việt Nam Hoa kiều sử thoại*, Đài Bắc, Lê Minh xuất bản xã, tr. 51.
- (16) Trần Khánh soạn, Trần Kim Vân, Trần Hán Bảo dịch, “Việt Nam Hoa nhân nhân khẩu học phân tích”, in trong tạp chí *Bát Quế kiều san*, số 03 năm 2001, tr. 60.
- (17) Stern, Lewis M. (1984), *The Vietnamese Communist Policy toward Overseas Chinese 1920-1982*, Ph. D. dissertation, University of Pittsburgh, p. 131.
- (18) Niên giám năm 1953. Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), *Đông Nam Á chi Hoa kiều*, Đài Bắc, Chánh Trung xuất bản xã, tr. 284.
- (19) Riêng miền Trung Việt Nam còn có 50.000 người Hoa. Số liệu công bố ngày 28 tháng 3 năm 1952. Số lượng này thống nhất với số lượng do tờ *Viễn Đông kinh tế bình luận* ra ngày 03 tháng 7 cùng năm. Xem Hứa Văn Đường (1994), “Việt Nam Hoa nhân xã đoàn cập kỳ văn hóa hoạt động”, in trong Chu Hoằng Nguyên (chủ biên), *Đông Nam Á Hoa nhân xã đoàn cập kỳ văn hóa hoạt động chi nghiên cứu*, Đài Bắc, Trung Ương nghiên cứu viện, tr. 259. Xem thêm Quách Thọ Hoa (1970), *Việt Nam thông giám*, Đài Bắc, Âu Sư xuất bản xã, tr. 154.
- (20) Xem thêm Quách Thọ Hoa (1970), sdd, tr. 11.
- (21) Niên giám năm 1953. Xem thêm Quách Thọ Hoa (1970), sdd, tr.154.
- (22) Xem Quách Thọ Hoa (1970), sdd, tr.154.

- (23), (28) Trương Văn Hòa (1975), sdd, tr. 51.
- (24) Stern, Lewis M. (1984), sdd, p. 162.
- (25) Trung Hoa Dân quốc kiều vụ ủy viên hội, *Việt Nam Hoa nhân nhân khẩu suy cổ*, (<http://acac-tron.com>).
- (26) Nguyễn Đình Đầu (1994), sdd, tr. 107-113.
- (27),(31),(32) Trần Khánh soạn, Trần Kim Vân, Trần Hán Bảo dịch, bdd, tr. 59.
- (29) Năm 1954-1955, có khoảng 45.000 người Hoa ở miền Bắc Việt Nam di cư vào miền Nam. Xem Stern, Lewis M. (1984), sdd, p. 162.
- (30) Trần Khánh soạn, Trần Kim Vân, Trần Hán Bảo dịch, bdd, tr. 62.
- (33) *Hoa kiều chỉ nam*, số ra ngày 8/5/1956. Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 17.
- (34) *Nhật ký*, số ra ngày 2/10/1956. Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 286.
- (35) Statistical Yearbook of Vietnam, Saigon, Vol.6, 1956, p. 2. Xem Stern, Lewis M. (1984), sdd, p. 91.
- (36) Xem số báo ra ngày 04 tháng 01 năm 1957.
- (37) Trương Văn Hòa (1975), sdd, tr. 52.
- (38) Niên giám 1958-1959. Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 285.
- (39),(41) Xem Quách Thọ Hoa (1970), sdd, tr. 11.
- (40) Skinner, William (1959), "Overseas Chinese in Southeast Asia", *Annals of the American Academy of Political and Social Science*, p. 321.
- (42) Nếu thống kê số lượng dân cư theo các bang: Quảng Phủ chiếm khoảng 41,1%, Triều Châu chiếm 36,9%, Phúc Kiến chiếm 7,8%, Khách Gia chiếm 10,6%, Hải Nam chiếm 3,4%. Nếu nhìn từ địa bàn phân bố, khu Sài Gòn-Chợ Lớn chiếm nhiều nhất với 542.000 người, các khu khác như Cần Thơ, Bạc Liêu, Gia Định, Mỹ Tho, Rạch Giá, Sóc Trăng, Trà Vinh trung bình chỉ có khoảng trên tám, chín nghìn người. Các tỉnh miền Trung như Bình Thuận, Quảng Nam, Đà Nẵng, Đà Lạt, Bình Định, số lượng người Hoa đều khoảng trên 900 người. Xem Quách Thọ Hoa (1970), sdd, tr. 154.
- (43) "Kế hoạch viện trợ kỹ thuật trong phát triển kinh tế cho Việt Nam Cộng hòa" của Liên Hợp Quốc năm 1959. Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 302.
- (44) *Hoa kiều chí tổng chí*, Đài Bắc, Hải ngoại xuất bản xã, 1964, tr. 126.
- (45) Kết quả thống kê số ngoại kiều ra vào của Bộ Nội chính Việt Nam Cộng hòa. Xem Quách Thọ Hoa (1970), sdd, tr. 154.
- (46) *Chính trị gia niên giám* năm 1961. Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 17.
- (47), (48) Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 10.
- (49) Lương Nhi Ky (1963), *The Chinese in Vietnam: a study of Vietnamese-Chinese Relations with Special Attention to of the Period 1682-1961*, Ann Arbor, Mich: University Microfilm. Xem Stern, Lewis M. (1984), sdd, p. 183.
- (50) Mạc Đường (1994), *Xã hội người Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh*, Nxb Khoa học Xã hội, tr. 127.
- (51) Thời báo *New York* số ra ngày 14 tháng 5 năm 1961. Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr.17.
- (52) Xem Quách Thọ Hoa (1970), sdd tr. 49. Cần chú ý, đây là kết quả tự nguyện đăng ký của người dân, không phải kết quả từ một cuộc tổng điều tra dân số có quy mô.
- (53) Xem Victor Purcell soạn, Quách Tương Chương dịch (1974), sdd, tr. 289.
- (54) Tờ báo tiếng Pháp *La Monde Diplomatique*, xem Trần Khánh soạn, Trần Kim Vân, Trần Hán Bảo dịch, bdd, tr. 59.
- (55) Amer, Ramses (1996), "Vietnam's Policies and Ethnic Chinese since 1975", *Sojourn*, (11)1, p. 78.
- (56) Trần Bích Sinh (1991), *Thế giới Hoa nhân giản sử*, Đại học Hạ Môn, tr. 369.
- (57),(59),(62) Amer, Ramses (1996), tldd, pp. 78, 98-99.
- (58) Căn cứ kết quả Tổng điều tra dân số năm 1979, đương thời người Hoa chiếm 11% tổng số dân Thành phố Hồ Chí Minh. Xem Hứa Văn Đường (1994), "Việt Nam Hoa nhân xã đoàn

- cập kỳ văn hóa hoạt động”, in trong Chu Hoàng Nguyên (chủ biên), *Đông Nam Á Hoa nhân xã đoàn cập kỳ văn hóa hoạt động chỉ nghiên cứu*, Đài Bắc, Trung Ương nghiên cứu viện, tr. 259.
- (60) Kết quả thống kê 1/04, xem GS Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (chủ biên) (1998), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I, *Lịch sử*, “Cư dân, địa danh địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”, tr. 574.
- (61) Xem Hứa Văn Đường (1994), bdd, tr. 259.
- (63), (65) Kết quả thống kê 1/10, xem GS Trần Văn Giàu, Trần Bạch Đằng (chủ biên) (1998), *Địa chí văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh*, tập I, sdd, tr. 574.
- (64) Quan Anh Vĩ (1997), “Việt Nam đương tiền đích Hoa văn giáo dục”, in trong tạp chí *Bát Quế kiểu sử*, kỳ 03, tr. 12.
- (66) Theo kết quả thống kê tháng 4/1999. Xem website của Bộ Ngoại giao Việt Nam, (http://www.mofa.gov.vn/tt_vietnam/nr040810154926/).
- (67) Theo kết quả Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 1999, Thông cáo báo chí.
- (68) Theo kết quả thống kê tháng 7/2003. Xem website của Bộ Ngoại giao Việt Nam, (http://www.mofa.gov.vn/tt_vietnam/nr040810154926/).
- (69) Xem *The Ranking of Ethnic Chinese Population*, Overseas Compatriot Affairs Commission, ROC.
- (70) Theo CIA (5/3/2009), *The World Factbook - Vietnam*. Truy cập tháng 3 năm 2010.
- (71) Tổng cục Thống kê Việt Nam (1/4/2009), Kết quả toàn bộ Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, Thông cáo báo chí.
- (72) Tư liệu Sổ bộ Hán Nôm, lưu trữ tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia II, TP HCM.
- (73) Xem Nguyễn Khắc Khảm (1998), *Nguyễn triều châu bản mục lục*, Viện Sử học Việt Nam, tr. 421.

TÓM TẮT

Dựa vào các nguồn số liệu thống kê về người Hoa ở Việt Nam trong hơn 100 năm qua, tác giả bài viết nêu lên một số nhận xét về tính tương đối của số liệu và những khó khăn trong công tác thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam. Theo đó, số lượng người Hoa nhập cư vào Việt Nam không ngừng gia tăng theo thời gian, thời điểm đạt con số cao nhất là vào cuối thập niên 60 của thế kỷ 20, sau đó giảm dần do tình hình chiến tranh và những mâu thuẫn giữa Việt Nam và Trung Quốc sau năm 1975.

Dù vậy, việc thống kê số lượng người Hoa ở Việt Nam từ trước đến nay vẫn chưa bao giờ phản ánh chính xác tình hình thực tế. Nguyên nhân chính là do quá trình nhập cư của người Hoa đã diễn ra từ hàng nghìn năm trước, hàng loạt thế hệ người Hoa đã bị Việt hóa và hoàn toàn hòa nhập vào cộng đồng người Việt. Bên cạnh đó, chính sách quản lý người nhập cư lỏng lẻo của chính quyền Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử, kể cả người Pháp sau này, khiến chính quyền gần như bất lực trước làn sóng nhập cư mạnh mẽ của di dân Trung Hoa, nhất là tại miền Nam.

ABSTRACT

THE PROBLEM OF STATISTICAL DATA ON THE NUMBER OF CHINESE PEOPLE IN VIETNAM

Based on the statistical sources for over 100 years, the author states some opinions about data accuracy and difficulties of the statistical work on the number of Chinese people in Vietnam. Accordingly, the number of Chinese immigrants in Vietnam has constantly increased over time, reaching the highest at the end of the 60s of the 20th century, then gradually decreased due to the war and conflicts between Vietnam and China in 1975.

However, the statistical data on the number of Chinese people in Vietnam have never reflected accurately the actual situation. It is due to the fact that the immigration course of Chinese people has taken place for thousands of years, generations of Chinese people were Vietnamized and fully integrated into the Vietnamese community. In addition, the loose immigration policy of Vietnamese authorities during historical periods, as well as the French later, made the governments almost powerless against strong influx of Chinese immigrants into Vietnam, especially Southern Vietnam.